

UBND TỈNH BẠC LIÊU
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Số: 06 /QĐ-HĐQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 06/07/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 01/TTr-QĐT ngày 06/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được thay thế các quyết định sau:

- Quyết định số 06/QĐ-HĐQL ngày 21/02/2011 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

- Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 10/3/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu

- Quyết định số 03/QĐ-HĐQL ngày 21/02/2011 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế thẩm định dự án đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

- Quyết định số 02/QĐ-HĐQL ngày 10/3/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế thẩm định dự án đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Thành viên Hội đồng Quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *HĐQL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều
Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu

QUY CHẾ CHO VAY
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BẠC LIÊU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQL ngày 29/4/2022
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định về hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu (gọi tắt là Quỹ) đối với khách hàng.
- Quy chế này không điều chỉnh hoạt động cho vay đối với khách hàng là tổ chức tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.
- Khách hàng vay vốn tại Quỹ.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cho vay* là hình thức cấp tín dụng, theo đó Quỹ giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích đầu tư trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận, với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- Cho vay hợp vốn* là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
- Khách hàng vay vốn tại Quỹ* (sau đây gọi là khách hàng) là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật; có nhu cầu vay vốn, có khả năng trả nợ để thực hiện các dự án đầu tư, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ.
- Thời hạn cho vay* là khoảng thời gian từ khi Quỹ giải ngân vốn vay lần đầu cho đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giữa Quỹ và khách hàng.



5. *Thời hạn ân hạn* là khoảng thời gian tính từ khi Quỹ giải ngân vốn vay lần đầu cho đến thời điểm khách hàng bắt đầu trả nợ gốc được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trong thời gian ân hạn, khách hàng chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi.

6. *Thời hạn trả nợ* là khoảng thời gian từ khi khách hàng trả nợ khoản vay lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

7. *Kỳ hạn trả nợ* là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ

8. *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ* là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với các khoản nợ vay của khách hàng theo hai phương thức sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

9. *Khả năng tài chính của khách hàng* là khả năng về vốn, tài sản của khách hàng để bảo đảm việc triển khai thực hiện dự án, bảo đảm hoạt động thường xuyên và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán.

10. *Bán nợ* là việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, theo đó Quỹ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận thanh toán từ bên mua nợ.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng phù hợp với Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng vay vốn tại Quỹ cam kết chấp hành đúng các thỏa thuận với Quỹ; sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Điều 5. Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Khách hàng thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư, một giai đoạn dự án đầu tư, hạng mục dự án đầu tư đối với dự án quy mô lớn hoặc có phương án đầu tư (sau đây gọi chung là dự án) thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư và cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

b) Không là công ty con của Quỹ.

c) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Khách hàng thuộc đối tượng cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.

c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt mua bảo hiểm.

Điều 6. Những nhu cầu vốn không được cho vay

Quỹ không được cho vay đối với các nhu cầu vốn sau đây:

1. Thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh, dịch vụ, ngành nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư số 39/2016/TT-NHNN).

2. Để trả nợ khoản nợ vay tại Quỹ hoặc tại các tổ chức tín dụng khác theo quy định tại các Khoản 5, 6 Điều 8 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

Điều 7. Thời hạn cho vay và thời hạn ân hạn

1. Thời hạn cho vay đối với từng dự án đầu tư được xác định trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp thời hạn vay trên 15 năm, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thời hạn ân hạn được xác định đối với từng dự án cụ thể, đảm bảo phù hợp với thời gian đầu tư xây dựng, triển khai hoạt động kinh doanh khai thác của dự án và thời điểm phát sinh nguồn tiền trả nợ của khách hàng.

Điều 8. Lãi suất cho vay

1. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định mức lãi suất cho vay nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

2. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng lần đầu tiên và được điều chỉnh trong từng lần giải ngân khi có quyết định thay đổi lãi suất cho vay.

3. Lãi suất dư nợ cho vay của từng Hợp đồng tín dụng được giữ cố định trong suốt thời hạn cho vay và chỉ có thể được điều chỉnh trong một số trường hợp thật sự cần thiết khi có văn bản chỉ đạo, quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả bằng 10%/năm tính theo số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

5. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 9. Phí liên quan đến hoạt động cho vay

1. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản phí theo quy định của Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay, đăng ký biện pháp bảo đảm và các loại phí khác theo quy định (nếu có).

2. Mức phí cụ thể được áp dụng theo từng trường hợp được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan hoặc được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và khách hàng (nếu có).

Điều 10. Giới hạn cho vay

1. Mức vốn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 70% tổng mức đầu tư/dự toán đầu tư xây dựng. Trường hợp cho vay trên 70% tổng mức đầu tư/dự toán đầu tư xây dựng do Hội đồng thẩm định đề xuất Giám đốc Quỹ xem xét quyết định hoặc trình cấp trên quyết định theo phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay.

2. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

5. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 11. Loại cho vay, đồng tiền cho vay và trả nợ

1. Quỹ xem xét, quyết định cho khách hàng vay theo các loại cho vay như sau:

a) Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 (một) năm và tối đa 05 (năm) năm.

b) Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 (năm) năm.

2. Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 12. Phương thức cho vay

Quỹ và khách hàng thỏa thuận áp dụng các phương thức cho vay như sau:

1. Cho vay trực tiếp theo dự án đầu tư: Quỹ trực tiếp cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư.

2. Cho vay hợp vốn: Là việc Quỹ làm đầu mối hợp vốn cho vay hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án. Việc cho vay hợp vốn phải tuân thủ theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 147/2020/NĐ-CP).

Điều 13. Hồ sơ vay vốn

1. Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho Quỹ bộ hồ sơ vay vốn bao gồm những tài liệu cơ bản như sau:

- Giấy đề nghị vay vốn;
- Hồ sơ pháp lý, năng lực của khách hàng;
- Hồ sơ của dự án;
- Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án;
- Hồ sơ tài sản bảo đảm tiền vay;
- Hồ sơ khác (nếu có).

2. Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và hợp pháp của các tài liệu gửi cho Quỹ.

Điều 14. Tiếp nhận hồ sơ

Khi nhận được hồ sơ vay vốn của khách hàng, phòng nghiệp vụ phải kiểm tra danh mục hồ sơ vay vốn, xác định rõ những văn bản giấy tờ còn thiếu theo quy định đồng thời lập Phiếu giao nhận hồ sơ với khách hàng, thông báo cho khách hàng gửi bổ sung các hồ sơ còn thiếu theo quy định, thời hạn thông báo cho khách hàng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 15. Thẩm định và thẩm định lại dự án

1. Thẩm định dự án:

a) Thẩm định dự án sử dụng vốn vay tại Quỹ là việc Quỹ tổ chức xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính và khả năng hoàn trả vốn vay của dự án và chủ đầu tư để quyết định cho vay hoặc không cho vay; nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư của các dự án sử dụng vốn vay tại Quỹ.

b) Công tác thẩm định cho vay dự án phải được dựa trên các phương pháp đánh giá khoa học và dựa trên các chuẩn mực quy định hiện hành.

c) Thời gian thẩm định:

- Các dự án cho vay thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ quyết định: Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết của chủ đầu tư theo yêu cầu, Quỹ phải quyết định và thông báo việc cho vay hoặc từ chối cho vay.

- Các dự án cho vay vượt thẩm quyền quyết định: Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Quỹ, Quỹ phải trình lên cấp có thẩm quyền xem xét quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay.

d) Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư lớn, các chỉ tiêu tính toán khả năng hiệu quả kinh tế phức tạp hoặc do nguyên nhân khách quan, thời gian thẩm định có thể tăng thêm nhưng không quá 1,5 lần thời gian quy định tại điểm c khoản này.

2. Thẩm định lại dự án

Quỹ có thể thực hiện thẩm định lại dự án trong các trường hợp sau:

a) Dự án có thay đổi so với quyết định đầu tư đã phê duyệt và được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án bằng văn bản đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

b) Sau thời hạn 12 tháng kể từ khi Quỹ có quyết định cho vay nhưng dự án chưa được triển khai thực hiện hoặc chưa giải ngân.

c) Các trường hợp khác do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở đề xuất của khách hàng và ý kiến tham mưu của phòng chuyên môn.

Điều 16. Nội dung thẩm định

1. Đối với dự án:

Tùy theo tính chất dự án đầu tư, thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung sau đây theo yêu cầu:

a) Thẩm định về cơ sở pháp lý của dự án:

- Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, nhất quán về nội dung, số liệu trong các văn bản, tài liệu về dự án và chủ đầu tư.

- Nhận xét, đánh giá trình tự thực hiện, thẩm quyền ban hành các loại văn bản, tài liệu liên quan đến dự án theo quy định.

b) Thẩm định về nhu cầu và sự cần thiết đầu tư của dự án.

c) Thẩm định về khả năng cạnh tranh, thị trường tiêu thụ của sản phẩm dự án.

d) Thẩm định về phương án tài chính, nguồn thu của dự án, khả năng hoàn trả nợ vay và khả năng thu hồi vốn đầu tư của dự án, các nguồn thu khác của doanh nghiệp, chủ đầu tư (*nếu có*).

đ) Thẩm định về tính hiệu quả tài chính - kinh tế - xã hội của dự án.

e) Thẩm định về các yếu tố rủi ro tiềm ẩn đối với dự án.

2. Đối với chủ đầu tư:

a) Thẩm định năng lực pháp lý của chủ đầu tư.

b) Thẩm định năng lực quản lý, năng lực chuyên môn của chủ đầu tư.

c) Thẩm định năng lực tài chính của chủ đầu tư.

d) Thẩm định về uy tín của chủ đầu tư trong quan hệ tín dụng với Quỹ và các tổ chức cho vay khác.

3. Đối với tài sản bảo đảm nợ vay:

a) Thẩm định tính pháp lý của quyền sử dụng và quyền sở hữu tài sản.

b) Thẩm định giá trị tài sản bảo đảm nợ vay tại thời điểm thẩm định, đủ giá trị và đảm bảo mức vốn vay theo qui định khi ký kết Hợp đồng tín dụng.

c) Thẩm định khả năng chuyển đổi thành tiền của tài sản.

Điều 17. Cơ chế thẩm định

1. Báo cáo thẩm định

a) Phòng nghiệp vụ thẩm định tiến hành thẩm định và lập báo cáo thẩm định, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong nội dung báo cáo thẩm định.

b) Chuyển báo cáo thẩm định đến các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá.

c) Tổ chức cuộc họp thẩm định (*hoặc tái thẩm định*).

d) Cung cấp thêm tài liệu và giải đáp, thuyết minh những nội dung mà các thành viên Hội đồng thẩm định có nhu cầu tìm hiểu thêm trong quá trình chuẩn bị tham dự cuộc họp thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định

Nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ tham mưu đề xuất những ý kiến mang tính chất đánh giá toàn diện về nội dung thẩm định cụ thể, kể cả tài sản bảo đảm, nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư để cấp có thẩm quyền (*Giám đốc hoặc cấp trên*) ra quyết định.

b) Hội đồng thẩm định và từng thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm:

- Đưa ra những thông tin, chứng cứ, quan điểm, phương pháp tiếp cận, phương pháp tính toán... làm cơ sở cho những ý kiến nhận định, đánh giá theo nội dung tiêu chuẩn của Quỹ đã ban hành và quy định pháp luật có liên quan.

- Những ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định phải cụ thể, rõ ràng, dứt khoát, chấp thuận hay không chấp thuận cho vay, hoặc cần bổ sung hoàn chỉnh để tái thẩm định.

- Những khuyến nghị của thành viên Hội đồng thẩm định có tính chất tham khảo, độc lập giúp Giám đốc hoặc cấp trên có thẩm quyền cân nhắc thêm trước khi ra quyết định cho vay.

c) Thành phần của Hội đồng thẩm định được thành lập theo quyết định của Giám đốc Quỹ, gồm các thành viên sau:

- Ban Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển do Giám đốc (*hoặc 01 Phó Giám đốc được ủy quyền*) làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Trưởng Phòng Kế hoạch - Thẩm định là Ủy viên thường trực Hội đồng thẩm định.

- Lãnh đạo các Phòng, Ban chức năng có liên quan là Ủy viên Hội đồng thẩm định, bao gồm: Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán (*hoặc Kế toán trưởng*), Trưởng Phòng Tín dụng - Đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Quỹ quyết định mời chuyên gia hoặc người có kinh nghiệm chuyên môn (*trong hoặc ngoài Quỹ*) giữ vai trò tư vấn phản biện. Riêng đối với những dự án thuộc thẩm quyền cho vay của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo kết quả thẩm định lên Hội đồng quản lý Quỹ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hoạt động của Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định hoạt động thông qua các phiên họp thẩm định, các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm phát biểu ý kiến công khai các quan điểm về những vấn đề được thẩm định, ý kiến về việc đồng ý cho vay hay không cho vay. Trong trường hợp vắng mặt do bận công tác, thành viên Hội đồng thẩm định phải có ý kiến bằng văn bản thay thế.

b) Ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định được thể hiện trong biên bản họp Hội đồng thẩm định, là cơ sở để cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Các thành viên Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cung cấp các tài liệu cần thiết để nghiên cứu hoặc đi kiểm tra thực tế trước khi tổ chức họp thẩm định.

Điều 18. Quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ xem xét kết quả thẩm định, thẩm định lại (nếu có) của Hội đồng thẩm định để quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay. Trường hợp khoản vay vượt thẩm quyền thì lập báo cáo, tờ trình lên cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Việc tổ chức xét duyệt cho vay được thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay; nhằm đảm bảo khả năng thu hồi vốn, yêu cầu quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3. Nếu chấp thuận cho vay thì Quỹ cùng khách hàng lập, ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản có liên quan; nếu từ chối cho vay thì gửi văn bản thông báo cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

4. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Giám đốc Quỹ quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay hoặc thời hạn cho vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 19. Bảo đảm tiền vay và thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm

1. Giám đốc Quỹ quyết định các biện pháp bảo đảm tiền vay đối với từng dự án cụ thể theo quy định tại Quy chế bảo đảm tiền vay do Hội đồng quản lý Quỹ

ban hành và các quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm và pháp luật có liên quan.

2. Tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm tại các cơ quan, đơn vị có chức năng, thẩm quyền.

3. Giám đốc Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

Điều 20. Phương thức trả nợ gốc và lãi tiền vay

1. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của khách hàng, Quỹ và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

a) Trả nợ gốc, lãi tiền vay theo kỳ hạn riêng.

b) Trả nợ gốc, lãi tiền vay trong cùng một kỳ hạn.

2. Quỹ và khách hàng có thể thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn, phí trả nợ trước hạn (nếu có) trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.

3. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện thu theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

4. Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày đến hạn trả nợ, khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ vay (gốc và/hoặc lãi); nếu không được chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận; thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn và tính tiền lãi phải trả theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

Điều 21. Hợp đồng tín dụng

1. Hợp đồng tín dụng được Quỹ và khách hàng thỏa thuận cho vay vốn của dự án, phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và được lập theo mẫu thống nhất do Quỹ ban hành, gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên, địa chỉ của Quỹ, khách hàng vay vốn.

- Địa điểm, thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.

- Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn ân hạn (nếu có), thời hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ.

- Đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ; việc trả nợ gốc, lãi và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn...

- Lãi suất vay, lãi suất nợ quá hạn, lãi chậm trả.

- Mục đích sử dụng vốn vay.
- Hình thức bảo đảm tiền vay, giá trị tài sản bảo đảm.
- Xử lý nợ vay; phạt vi phạm bồi thường, thiệt hại; Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Những thỏa thuận khác được các bên thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Hiệu lực của hợp đồng.

2. Khi có sự thay đổi nội dung trong Hợp đồng tín dụng, hai bên sẽ thỏa thuận và thống nhất điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận.

3. Trường hợp trước khi ký Hợp đồng tín dụng hoặc khi Hợp đồng tín dụng đã có hiệu lực nếu Quỹ phát hiện khách hàng có hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến an toàn tín dụng thì Quỹ có quyền quyết định đình chỉ việc ký Hợp đồng tín dụng hoặc ngừng cấp vốn vay hoặc đồng thời thực hiện thu nợ trước hạn, thực hiện thanh lý hợp đồng và báo cáo kịp thời với người có thẩm quyền quyết định cho vay.

Điều 22. Giải ngân vốn vay

1. Điều kiện giải ngân:

a) Việc giải ngân chỉ thực hiện sau khi Quỹ và khách hàng ký kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

b) Vốn vay được giải ngân đúng mục đích như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

c) Đã có khối lượng thực hiện được nghiệm thu, máy móc thiết bị nhập kho.

2. Vốn vay được giải ngân theo các hình thức sau:

a) Giải ngân theo tỷ lệ phần trăm (%) cơ cấu vốn tham gia đầu tư: Vốn tự có của chủ đầu tư (vốn đối ứng), vốn vay tại Quỹ, vốn khác (nếu có).

b) Giải ngân theo hạng mục công trình/hoặc danh mục máy móc thiết bị đã đăng ký (*hạng mục/danh mục sử dụng vốn tự có hoặc vốn khác đối ứng, hạng mục/danh mục sử dụng vốn vay của Quỹ*).

c) Giải ngân dứt điểm phần vốn tự có của chủ đầu tư, các nguồn vốn khác (nếu có); sau đó mới giải ngân đến phần vốn vay tại Quỹ.

3. Tùy theo từng dự án cụ thể, Giám đốc Quỹ xem xét, phê duyệt số tiền của từng lần giải ngân đảm bảo sau khi kết thúc quá trình giải ngân, dự án được hoàn thành và đưa vào khai thác, kinh doanh.



Điều 23. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay

1. Kiểm tra, giám sát khoản vay:

a) Quỹ có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay theo đúng cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Kết quả kiểm tra được thể hiện trong biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay và được lưu vào hồ sơ tín dụng.

b) Trong thời gian giải ngân, việc kiểm tra sử dụng vốn vay được tiến hành vào mỗi lần giải ngân hoặc có phát sinh các dấu hiệu bất thường khác của dự án.

2. Xử lý vốn vay:

Quỹ căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát, tùy theo mức độ vi phạm của khách hàng để quyết định xử lý như sau:

a) Tạm dừng cho vay: Khi khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng nhưng có thể khắc phục được. Quỹ thông báo cho khách hàng bằng văn bản về việc tạm dừng giải ngân cho vay và yêu cầu khách hàng nhanh chóng khắc phục theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

b) Chấm dứt cho vay: Khi khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được. Quỹ thông báo cho khách hàng bằng văn bản về việc chấm dứt cho vay và yêu cầu khách hàng nhanh chóng hoàn trả khoản vay đã giải ngân.

c) Khởi kiện trước pháp luật: Quỹ có quyền khởi kiện (dân sự, hình sự) trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng tín dụng đã được Quỹ thông báo bằng văn bản nhưng không chịu khắc phục theo nội dung trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro

1. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

3. Việc xử lý rủi ro, thẩm quyền xử lý rủi ro được thực hiện theo Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ.

Điều 25. Cơ cấu lại thời gian trả nợ và bán nợ

1. Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời gian trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

- Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

- Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời gian phù hợp với nguồn trả nợ theo đề nghị của khách hàng và phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

- Khi có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khách hàng phải gửi văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ kèm phương án/kế hoạch trả nợ cho Quỹ trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

2. Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

Điều 26. Chấm dứt cho vay và xử lý nợ

1. Quỹ có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận trong các trường hợp sau:

- Khi phát hiện khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu sai sự thật.

- Khách hàng hoặc bên thứ ba vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Quỹ phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

2. Trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì Quỹ có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì khách hàng có trách nhiệm tiếp tục trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Quỹ đối với khách hàng, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 27. Phạt vi phạm và bồi thường

1. Quỹ và khách hàng có thể thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp một trong các bên không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng nội dung trong thỏa thuận vay.

2. Trường hợp Quỹ và khách hàng có thỏa thuận về việc phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại thì nội dung đó phải được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có), tối thiểu bao gồm các trường hợp vi phạm mà các bên sẽ bị phạt và/hoặc phải bồi thường thiệt hại; mức phạt vi phạm và/hoặc mức bồi thường thiệt hại.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền của Quỹ:

a) Yêu cầu khách hàng cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các tài liệu, thông tin trong quá trình vay vốn (trước, trong và sau khi cho vay).

b) Từ chối các yêu cầu của khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn hoặc nhu cầu vay vốn không phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Từ chối tiếp tục giải ngân vốn vay khi đề nghị của khách hàng không phù hợp với nội dung Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật.

d) Tạm ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm quy định tại Hợp đồng tín dụng.

đ) Kiểm tra, giám sát hoặc yêu cầu khách hàng thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính của khách hàng, thông tin về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến nợ vay hoặc tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng.

e) Khi đến hạn mà khách hàng không trả được nợ, Quỹ có quyền xử lý nợ, thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm hoặc yêu cầu bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm để thu hồi nợ.

g) Yêu cầu khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết và khả thi để khắc phục sự kiện vi phạm, thay đổi bất lợi đáng kể, hoặc khởi kiện nếu khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng.

h) Yêu cầu khách hàng sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của khách hàng để trả nợ gốc, lãi tiền vay, các khoản phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

i) Thực hiện miễn, giảm lãi, các khoản phí (nếu có), cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định nội bộ của Quỹ và theo quy định của pháp luật.

k) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Quỹ:

a) Cung cấp vốn vay cho khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

b) Sử dụng các thông tin do khách hàng cung cấp đúng mục đích, theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền của khách hàng:

a) Được nhận đầy đủ tiền vay theo các điều kiện thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

b) Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của khách hàng:

a) Cung cấp cho Quỹ các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay và các khoản phí (nếu có) đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

c) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của Quỹ về tình hình sử dụng vốn vay, tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của khách hàng.

d) Đổi chiếu nợ gốc và lãi vay theo yêu cầu của Quỹ. Khách hàng chấp thuận các mức lãi suất thay đổi do Quỹ thông báo khi có sự biến động lãi suất theo thỏa thuận tại Điều 8 Quy chế này.

d) Bàn giao tài sản, phối hợp với Quỹ để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật

e) Sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ thì khách hàng phải có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc, lãi tiền vay cho Quỹ và bổ sung các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

g) Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ để bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của khách hàng, của bên thứ ba (trừ trường hợp được Quỹ đồng ý bằng văn bản).

h) Mua và duy trì bảo hiểm đối với các tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

i) Thông báo bằng văn bản và cung cấp các tài liệu, thông tin kịp thời cho Quỹ những nội dung sau:

- Đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính; sửa đổi, bổ sung điều lệ của khách hàng.

- Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; thay đổi bất kỳ người đại diện theo pháp luật nào của khách hàng.

- Chuẩn bị thực hiện ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/cỗ phần hóa/ chuyển đổi hình thức pháp lý khác.

- Phát sinh tranh chấp, thủ tục pháp lý, hoặc thủ tục hành chính đối với khách hàng hoặc nhân sự của khách hàng có thể ảnh hưởng đến các hợp đồng đã ký kết với Quỹ.

- Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm có liên quan (nếu có).

- Thay đổi về vốn hoặc tài sản của khách hàng có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ và dự án đang vay vốn tại Quỹ.

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra

1. Quỹ có trách nhiệm cung cấp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh trong trường hợp cần thiết.

2. Tất cả các hoạt động cho vay và thu hồi nợ của Quỹ đều chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Quy chế cho vay đầu tư và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQL ngày 21/02/2011 và Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 10/3/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Bạc Liêu.

- Quy chế tham định dự án đầu tư và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tham định dự án đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQL ngày 21/02/2011 và Quyết định số 02/QĐ-HĐQL ngày 10/3/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Bạc Liêu.

2. Giám đốc Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ và khách hàng vay, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Căn cứ Quy chế này và các quy định của văn bản pháp luật có liên quan, Giám đốc Quỹ ban hành các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể phù hợp với yêu cầu, điều kiện, đặc điểm, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này cho phù hợp với quy định của Nhà nước, Quỹ nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định./.

Bđ
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều
Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu